TÒA ÁN ND HUYỆN NGA SƠN
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 03/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 30/01/2019.
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGA SƠN, TỈNH THANH HÓA

-***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Xuân Hùng.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Dương Thị Thắm.

2. Ông Nguyễn Văn Hạnh.

-***Thư ký phiên tòa***: Ông Phan Thanh Tùng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

-***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa***: Bà Trịnh Thị Hiền - kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Thanh Hóa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 232/2018/TLST – HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2018, về việc "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 01 năm 2019 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị Phạm Thị N – sinh năm 1988.

Địa chỉ: xóm 1 Hậu Trạch, xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa(có mặt).

* Bị đơn: Anh Phạm Văn D – sinh năm 1980.

Địa chỉ: xóm 1 HTrạch, xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa(vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng măt).

Hiện đang chấp hành án tại Phân trại số 2, Trại giam T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện ngày 07 tháng 11 năm 2018, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị Phạm Thị N trình bày.

Về hôn nhân: Chị và anh Phạm Văn D kết hôn ngày 18/02/2008 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh D chơi bời, nghiện ma túy, không quan tâm đến vợ con, gia đình. Chị đã nhiều lần khuyên ngăn nhưng anh D vẫn không thay đổi, dẫn đến vi phạm pháp luật và đang phải chấp hành án tại Trại giam T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn, đoàn tụ được, nên làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Phạm Văn D.

Về con chung: Chị và anh Phạm Văn D có 01 con chung là Phạm Nguyễn Thúy H – sinh ngày 04/3/2009. Hiện tại cháu H đang ở với chị, sau khi ly hôn chị đề nghị được chăm sóc, nuôi dưỡng cháu H và không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản: Chị N không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

*Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng cho anh D theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, do anh D hiện đang chấp hành án tại Trại giam nên không có mặt tại Tòa án để giải quyết vụ án được. Anh D đã làm bản tự khai thể hiện quan điểm của mình, làm đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định đưa vụ án ra xét xử vắng mặt anh D để bảo đảm quyền lợi cho các bên đương sự.

Do vụ án liên quan đến người chưa thành niên, Tòa án tiến hành xác minh nguyên nhân phát sinh tranh chấp theo quy định tại khoản 3 Điều 208 BLTTDS.

Tại phiên tòa, đại diện VKSND huyện N phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của đương sự:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng pháp luật. Nguyên đơn chị Phạm Thị N và bị đơn anh Phạm Văn D đã chấp hành đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật. Anh D hiện đang chấp hành án tại Trại giam không có mặt tại Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án. Tuy nhiên, anh D đã có bản tự khai, có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải và xin xét xử vắng mặt nộp cho Tòa án. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh D.

[2] Về hôn nhân: Chị Phạm Thị N và anh Phạm Văn D kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa, như vậy là hôn nhân hợp pháp.

Xét nguyện vọng xin ly hôn của chị N là hoàn toàn chính đáng, bởi cuộc sống hôn nhân của vợ chồng không hạnh phúc. Anh D chơi bời, nghiện ma túy, không quan tâm đến vợ con, gia đình, chị N đã nhiều lần khuyên ngăn nhưng anh D vẫn không thay đổi. Hơn nữa, anh D đã vi phạm pháp luật và hiện đang chấp hành án tại Trại giam T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa. Qúa trình giải quyết vụ án anh D đã có bản tự khai thể hiện quan điểm đồng ý ly hôn với chị N. Chứng tỏ, anh D không có sự níu kéo, không mong muốn đoàn tụ, tình cảm vợ chồng đã thật sự không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Cho nên, căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phạm Thị N đối với anh Phạm Văn D.

[3] Về con chung: Chị Phạm Thị N và anh Phạm Văn D có 01 con chung là Phạm Nguyễn Thúy H – sinh ngày 04/3/2009. Xét thấy, hiện tại cháu H đang ở cùng với chị N, được chị N chăm sóc, nuôi dưỡng và đang có cuộc sống ổn định. Hơn nữa, anh D hiện đang chấp hành án, không có điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng và anh đề nghị giao cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, anh không phải cấp dưỡng nuôi con. Cho nên, chị N đề nghị giao cháu H cho chị tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và anh D không phải cấp dưỡng nuôi con là phù hợp thực tế và đúng với quy định của pháp luật. Nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về tài sản: Chị Phạm Thị N và anh Phạm Văn D không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Phạm Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 qui định về mức thu, miễn, giảm,nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

* Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị N. Cho chị Phạm Thị N ly hôn anh Phạm Văn D.

* Về con chung: Giao cháu Phạm Nguyễn Thúy H – sinh ngày 04/3/2009 cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, anh D không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh D có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc con chung, chị N không được cản trở.

* Về án phí: Chị Phạm Thị N phải nộp 300.000đ(*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ(*Ba trăm nghìn đồng*) chị N đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2017/0004937 ngày 08/11/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Thanh Hóa. Chị N đã nộp đủ án phí.

* Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, chị N được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Anh D được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- VKSND huyện N;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện N;
-VKSND tỉnh Thanh Hóa;
-TAND tỉnh Thanh Hóa;
- UBND xã N;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Xuân Hùng